

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2014

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành tại Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm..... của Hiệu trưởng Trường đại học Kinh tế - Luật)

- **Tên chương trình: Thương mại điện tử (Electronic Commerce – E-Commerce)**
- **Trình độ đào tạo: Đại học**
- **Ngành đào tạo: Hệ thống thông tin quản lý**
- **Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung**
- **Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân Hệ thống thông tin quản lý (Chuyên ngành Thương mại điện tử)**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân kinh tế có kiến thức toàn diện về lĩnh vực thương mại điện tử; có chuyên môn, năng lực và kỹ năng nghề nghiệp vững vàng; cung cấp nguồn nhân lực thương mại điện tử chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế và xã hội trong thời đại mới.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn cao trong lĩnh vực thương mại điện tử, nắm vững nghiệp vụ kinh doanh và thành thạo công nghệ thông tin ứng dụng trong kinh doanh tại doanh nghiệp.

- Đào tạo đội ngũ quản lý và có kiến thức vững vàng trong hoạch định, xây dựng và triển khai hoạt động thương mại điện tử tại doanh nghiệp và khả năng quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại điện tử.
- Đào tạo đội ngũ chuyên sâu trong việc tổ chức, quản lý và thực hiện toàn bộ quá trình kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử trong doanh nghiệp, có khả năng nhận biết và giải quyết các vấn đề trong hoạt động thương mại điện tử.
- Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt.

1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)

1.3.1. Kiến thức:

- a. Đảm bảo hiểu và vận dụng kiến thức giáo dục đại cương theo chuẩn chương trình đào tạo quốc gia;
- b. Có khả năng áp dụng những kiến thức cơ bản, cơ sở và kiến thức bổ trợ về kinh doanh và quản lý;
- c. Khả năng ứng dụng kiến thức chuyên sâu về công nghệ thông tin trong các dự án thương mại điện tử;
- d. Phân loại và áp dụng qui trình, tiến trình, thủ tục pháp lý có liên quan đến quản lý, kinh doanh trong thương mại điện tử;
- e. Có khả năng thẩm định và đánh giá các dự án triển khai thương mại điện tử trong doanh nghiệp;
- f. Khả năng nhận biết nhu cầu và tham gia học tập và nâng cao trình độ suốt đời;
- g. Áp dụng được kiến thức bổ trợ và phát triển sang các ngành kinh tế khác;
- h. Hiểu biết về những vấn đề thời sự.

1.3.2 Kỹ năng:

- i. Thiết kế, xây dựng và quản trị các phần mềm/website tại doanh nghiệp phục vụ cho hoạt động kinh doanh và quản lý;
- j. Khả năng tự nghiên cứu, phân tích, phân biện và giải quyết vấn đề;

- k. Kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;
- l. Kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết báo cáo, xây dựng và bảo vệ dự án;
- m. Khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

1.3.3. Thái độ:

- n. Hiểu biết trách nhiệm nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp;
- o. Nhận biết trách nhiệm với bản thân và cộng đồng;
- p. Ý thức vượt khó vươn lên trong mọi công việc;
- q. Có ý thức hợp tác, thân thiện với đồng nghiệp và các cá nhân bên ngoài tổ chức.

1.3.4. Trình độ ngoại ngữ:

- r. Khả năng giao tiếp và làm việc hiệu quả bằng tiếng Anh: 500 TOEIC hoặc tương đương, khả năng đọc hiểu tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh.

1.4. Cơ hội nghề nghiệp:

1.4.1 Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp:

- Chuyên viên hoặc nhà quản lý tại các công ty cung cấp giải pháp thương mại điện tử;
- Chuyên viên hoặc nhà quản lý tại các công ty đang hoặc có dự định triển khai hoạt động thương mại điện tử;
- Chuyên viên hoặc nhà quản lý tại các cơ quan nhà nước chuyên quản lý hoặc ứng dụng thương mại điện tử;
- Giảng dạy trong lĩnh vực thương mại điện tử tại các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp.

1.4.2 Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Tiếp tục học tập nâng trình độ sau đại học trong chuyên ngành thương mại điện tử, các ngành kinh tế và quản trị khác;

- Khả năng tiến hành nghiên cứu chuyên sâu về thương mại điện tử và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh.

1.5. Ma trận chuẩn đầu ra – môn học:

TÊN MÔN HỌC	CHUẨN ĐẦU RA																	
	a	b	c	d	e	f	g	h	i	j	k	l	m	n	o	p	q	r
Ngoại ngữ	x					x	x	x		x	x	x	x			x		x
Giáo dục thể chất	x												x		x	x		
Giáo dục quốc phòng	x												x		x	x		
Những nguyên lý của CN Mác – Lênin	x					x	x	x		x	x		x	x	x	x	x	
Đường lối cách mạng của ĐCSVN	x						x	x		x			x	x	x	x	x	
Tư tưởng Hồ Chí Minh	x						x	x		x			x	x	x	x	x	
Kinh tế học căn bản	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x		x
Toán cao cấp	x					x	x			x	x		x			x	x	x
Tin học đại cương	x		x			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Quản trị học đại cương	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x
Lý thuyết xác suất	x					x	x			x	x		x			x	x	x
Kỹ thuật lập trình			x			x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Kế toán đại cương	x	x		x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x

Toán rời rạc	x				x				x	x		x			x	x	x	
Pháp luật đại cương	x			x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	
Mạng máy tính			x		x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
Cấu trúc dữ liệu và giải thuật			x			x		x	x	x	x	x	x	x		x	x	x
Hệ thống thông tin quản lý		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Thông kê ứng dụng					x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x
Luật kinh tế		x		x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Thương mại điện tử		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Marketing căn bản	x	x		x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Nhập môn cơ sở dữ liệu			x		x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Chiến lược kinh doanh điện tử		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Thiết kế và quản trị Website TMĐT		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Hệ quản trị quan hệ khách hàng (CRMS)		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Phân tích và thiết kế HTTT quản lý		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Quản trị dự án TMĐT		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Quản trị chuỗi cung ứng trong TMĐT		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

Thanh toán điện tử		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Marketing điện tử		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
An toàn và bảo mật TMĐT			x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x		x	x
Đồ án ngành			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Thị trường điện tử		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Pháp luật về TMĐT		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Thực tập tốt nghiệp		x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Chuyên đề tốt nghiệp Chuyên đề 1 (Thương mại di động (m- Commerce)) Chuyên đề 2 (Khởi nghiệp kinh doanh TMĐT (Entrepreneurship)) Chuyên đề 3 (Quản trị tác nghiệp TMĐT)																		
Khoá luận tốt nghiệp			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

1.6. Ma trận chuẩn đầu ra – mục tiêu đào tạo

1.6.1. Ma trận chuẩn đầu ra

CHUẨN ĐẦU RA	MỤC TIÊU ĐÀO TẠO			
	Mục tiêu I	Mục tiêu II	Mục tiêu III	Mục tiêu IV
a. Đảm bảo hiểu và vận dụng kiến thức giáo dục đại cương theo chuẩn chương trình đào tạo quốc gia;	x	x	x	
b. Có khả năng áp dụng những kiến thức cơ bản, cơ sở và kiến thức bổ trợ về kinh doanh và quản lý;	x	x	x	
c. Khả năng ứng dụng kiến thức chuyên sâu về công nghệ thông tin trong các dự án thương mại điện tử;		x	x	
d. Phân loại và áp dụng qui trình, tiến trình, thủ tục pháp lý có liên quan đến quản lý, kinh doanh trong thương mại điện tử;	x	x	x	
e. Có khả năng thẩm định và đánh giá các dự án triển khai thương mại điện tử trong doanh nghiệp;	x	x	x	x
f. Khả năng nhận biết nhu cầu và tham gia học tập và nâng cao trình độ suốt đời;	x	x	x	x
g. Áp dụng được kiến thức bổ trợ và phát triển sang các ngành kinh tế khác;		x	x	
h. Hiểu biết về những vấn đề thời sự;		x	x	
i. Thiết kế, xây dựng và quản trị các phần mềm/website tại doanh nghiệp phục vụ cho hoạt động kinh doanh và quản lý;	x	x	x	
j. Khả năng tự nghiên cứu, phân tích, phản biện và giải quyết vấn đề;	x	x	x	
k. Kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm;	x	x	x	
l. Kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết báo cáo, xây dựng và bảo vệ dự án;	x	x		
m. Khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn;	x	x	x	

n. Hiểu biết trách nhiệm nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp;				x
o. Nhận biết trách nhiệm với bản thân và cộng đồng;				x
p. Ý thức vượt khó vươn lên trong mọi công việc;	x	x	x	x
q. Có ý thức hợp tác, thân thiện với đồng nghiệp và các cá nhân bên ngoài tổ chức;	x	x	x	x
r. Khả năng giao tiếp và làm việc hiệu quả bằng tiếng Việt và tiếng Anh: 500 TOEIC hoặc tương đương;	x	x	x	

1.6.2. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu I: Đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn cao trong lĩnh vực thương mại điện tử: nắm vững nghiệp vụ kinh doanh và thành thạo công nghệ thông tin ứng dụng trong kinh doanh tại doanh nghiệp.

Mục tiêu II: Đào tạo đội ngũ quản lý và có kiến thức vững vàng trong hoạch định, xây dựng và triển khai hoạt động thương mại điện tử tại doanh nghiệp và khả năng quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại điện tử.

Mục tiêu III: Đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu trong việc tổ chức, quản lý và thực hiện toàn bộ quá trình kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử trong doanh nghiệp, có khả năng nhận biết và giải quyết các vấn đề trong hoạt động thương mại điện tử.

Mục tiêu IV: Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm với 8 học kỳ

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

130 tín chỉ không kể khối kiến thức giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và ngoại ngữ.

4. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Không phải bỏ túc kiến thức:

- Người đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên, trung cấp chuyên nghiệp, trung học nghề, trung cấp nghề;
 - Người đã tốt nghiệp trung cấp nghề phải là người đã tốt nghiệp trung học cơ sở, đã học đủ khối lượng kiến thức và thi tốt nghiệp các môn văn hóa THPT đạt yêu cầu theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Phải bỏ túc kiến thức: không tuyển sinh
 - **Khối tuyển sinh:** A, A1, D1
 - **Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm:** 100 sinh viên

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Căn cứ vào Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Giám đốc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

5.1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được chia làm 8 học kỳ:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương và cơ sở khối ngành: học kỳ 1, học kỳ 2, học kỳ 3, học kỳ 4.
- Khối kiến thức chuyên ngành: học kỳ 4, học kỳ 5, học kỳ 6, học kỳ 7.
- Thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp hoặc học chuyên đề: học kỳ 7, 8.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp, nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

- Tích lũy đủ số TC của ngành đào tạo;
- Đạt điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa theo quy định;
- Đạt các chứng chỉ GDQP, chứng chỉ giáo dục thể chất;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Điều kiện ngoại ngữ: đạt chuẩn 500 TOEIC hoặc các văn bằng tương đương.

6. Thang điểm

Thang điểm sử dụng là thang điểm 10 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

7. Nội dung chương trình: 130 Tín chỉ

Không kể phần kiến thức: ngoại ngữ (24 TC), giáo dục thể chất (5 TC), giáo dục quốc phòng (165 tiết tương đương 8 TC)

Tổng khối lượng kiến thức	Kiến thức đại cương	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			
		Toàn bộ	Cơ sở ngành	Chuyên ngành	TTCK, KLTN hoặc các HPCM
130 tín chỉ	48 tín chỉ	82 tín chỉ	24 tín chỉ	48 tín chỉ	10 tín chỉ
100%	36.9%	63.1%	18.5%	36.9 %	7.7%

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 48 tín chỉ

7.1.1. Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 10 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ				Ghi chú
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC	
		Các môn học bắt buộc (10 TC)	10	10			
1	NL01	Những nguyên lý của CN Mác – Lênin	5	5			
2	ĐL01	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3			
3	TT01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			
Cộng			10	10			

7.1.2. Nhân văn – Kỹ năng: 4 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ				Ghi chú
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC	
Không có môn học bắt buộc							
Các môn tự chọn (4 TC)			4	4			
1	TL01	Tâm lý học đại cương	2	2			
2	GT05	Nhập môn khoa học giao tiếp	2	2			
3	PP01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2			
4	KN01	Kỹ năng làm việc nhóm	2	2			
Cộng			4	4			

7.1.3. Khoa học – Xã hội: 5 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ				Ghi chú
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC	
Không có môn học bắt buộc							
Các môn tự chọn (5 TC)			5	5			
1	LS02	Lịch sử kinh tế Việt Nam và các nước	3	3			
2	ĐL03	Địa chính trị thế giới	2	2			
3	QH01	Quan hệ quốc tế	2	2			
Cộng			5	5			

7.1.4. Khoa học kinh tế: 10 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Các môn học bắt buộc (10 TC)			10	10		
1	KT42	Kinh tế học căn bản	4	4		
2	QT01	Quản trị học đại cương	3	3		
3	KK01	Kế toán đại cương	3	3		
Cộng			10	10		

7.1.5. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên: 16 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ				Ghi chú
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC	
Các môn học bắt buộc: 10 TC			13	13			
1	TO08	Toán cao cấp	5	5			
2	TO06	Lý thuyết xác suất	2	2			
3	IS01	Tin học đại cương	3	2	1		
4	RR01	Toán rời rạc	3	3			
Các môn học tự chọn: 03 TC			3	3			
1	TK04	Thống kê ứng dụng	3	3			
2	LG01	Logic học	3	3			
Cộng			16	16			

7.1.6. Khoa học pháp lý: 3 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Các môn học bắt buộc: 3 TC			3	3		
1	PL01	Pháp luật đại cương	3	3		
Cộng			3	3		

7.1.7. Ngoại ngữ không chuyên: 12 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
1	NN01	Ngoại ngữ không chuyên 1	4	4		
2	NN02	Ngoại ngữ không chuyên 2	4	4		
3	NN03	Ngoại ngữ không chuyên 3	4	4		
Cộng			12	12		

7.1.8. Giáo dục thể chất: Mã số: GT01 – 5 tín chỉ**7.1.9. Giáo dục quốc phòng: Mã số: GP01 - 165 tiết****7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 82 Tín chỉ**

(Không bao gồm 12 tín chỉ Ngoại ngữ chuyên ngành)

7.2.1. Kiến thức cơ sở: 24 TC

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔN TIÊN QUYẾT	TÍN CHỈ			
				TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
<i>Các môn học bắt buộc</i>				18			

1	IS02	Kỹ thuật lập trình	IS01	3	2	1	
2	IS03	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	IS01 IS02	3	2	1	
3	IS04	Nhập môn cơ sở dữ liệu	IS02	3	3		
4	LU01	Luật kinh tế		3	3		
5	IS09	Hệ thống thông tin quản lý	IS01 QT01	3	3		
6	MA01	Marketing căn bản		3	3		
<i>Các môn tự chọn: 6 TC</i>				6	6		
1	TD01	Kinh doanh quốc tế		3	3		
2	TC10	Lý thuyết tài chính tiền tệ		3	3		
3	KT02	Kinh tế lượng		3	3		
4	TC01	Tài chính doanh nghiệp		3	3		

7.2.2. Kiến thức ngành chính – 48 TC

<i>Các môn học bắt buộc: 39 TC</i>				39	39		
1	IS50	Thiết kế và quản trị website TMĐT	IS02 IS18	4	3	1	
2	IS51	Thị trường Điện tử	IS21	2	2		
3	IS13	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý	IS04 IS09	3	3		
5	IS18	Mạng máy tính	IS01	3	3		
6	IS19	Thanh toán điện tử		3	3		
7	IS21	Thương mại điện tử	IS01 QT01 PL01	3	3		

			MA01				
8	IS25	Đồ án ngành		3		3	
9	LU03	Pháp luật về thương mại điện tử	IS13 IS18	2	2		
10	IS52	Chiến lược kinh doanh điện tử		3	3		
11	IS53	Quản trị dự án TMĐT		3	3		
12	IS28	Marketing điện tử	MA01 IS21	3	3		
13	IS54	Quản trị chuỗi cung ứng trong TMĐT		2	2		
14	IS55	An toàn và bảo mật TMĐT		3	3		
15	IS56	Hệ quản trị quan hệ khách hàng (CRMS)		2	2		
<i>Các môn tự chọn: 9 TC</i>				9	9		
1	IS15	Hệ hoạch định nguồn lực doanh nghiệp		3	3		
2	IS20	Chính phủ điện tử	IS18	3	3		
3	IS26	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở	IS02 IS07	3	2	1	
4	IS14	Nhà kho và khai phá dữ liệu	IS04 IS31	3	3		
5	QT03	Quản trị chiến lược		3	3		
6	QT04	Quản trị nguồn nhân lực		3	3		
7	QT16	Quản trị bán hàng		3	3		
8	MA04	Nghiên cứu thị trường		3	3		
9	QT09	Quản trị rủi ro		3	3		
10	TC05	Kế toán quản trị		3	3		

11	LD02	Luật kinh doanh quốc tế		3	3		
12	IS57	Phân tích mạng xã hội		3	3		

7.2.3. Kiến thức ngành thứ hai

7.2.4. Ngoại ngữ chuyên ngành – 12 TC

1	NN04	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	4	4		
2	NN05	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	4	4		
3	NN06	Ngoại ngữ chuyên ngành 3	4	4		

7.2.5. Kiến thức bổ trợ tự do

7.2.6. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm

7.2.7. Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp – 10 TC

1		Thực tập cuối khoá	4	4		
2		Khoá luận tốt nghiệp	6	6		
Sinh viên học các chuyên đề tốt nghiệp 1, 2, 3 nếu không làm Khóa luận tốt nghiệp						
			6	6		
3	IS58	Chuyên đề 1 – Thương mại di động (*)	2	2		
4	IS59	Chuyên đề 2 – Khởi nghiệp kinh doanh TMĐT (*)	2	2		
4	IS60	Chuyên đề 3 – Quản trị tác nghiệp TMĐT (*)	2	2		

(*) Áp dụng đối với sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp

7.3. Dự kiến Kế hoạch giảng dạy

7.3.1. HỌC KỲ I (Năm 1) – 19 TC

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ				Phòng thí nghiệm	Ghi chú
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	%thực hành		
			19	19				
		Các môn học bắt buộc : 17 TC	17	17				
1	NL01	Những nguyên lý của CN Mác – Lênin	5	5				
2	TO08	Toán cao cấp	5	5				
3	IS01	Tin học đại cương	3	2	1	33%		
4	KT42	Kinh tế học căn bản	4	4				
		Các môn học tự chọn : 2 TC	2	2				
1	TL01	Tâm lý học	2	2			Chọn 1 trong 2	
2	GT05	Nhập môn khoa học giao tiếp	2	2				
	NN01	Anh văn Level 1	4	4				

7.3.2. HỌC KỲ II (Năm 1) – 19 TC

ST T	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ				Phòng thí nghiệm	Ghi chú
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	%thực hành		
			19	19				
		Các môn học bắt buộc : 14 TC	14	14				
1	TO07	Lý thuyết xác suất	2	2				
2	QT01	Quản trị học đại cương	3	3				
3	KK01	Kế toán đại cương	3	3				

4	IS02	Kỹ thuật lập trình	3	2	1	33%	x	IS01
5	RR01	Toán rời rạc	3	3				
Các môn học tự chọn : 5 TC			5	5				
1	QH01	Quan hệ quốc tế	2	2				Chọn 1 trong 2
2	ĐL03	Địa chính trị thế giới	2	2				
3	LS02	Lịch sử kinh tế Việt Nam và các nước	3	3				Chọn 1 trong 2
4	LG01	Logic học	3	3				
	NN02	Anh văn Level 2	4	4				
	QP01	Giáo dục Quốc phòng	4 tuần	165 tiết				

7.3.3. HỌC KỲ III (Năm 2) – 17 TC

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ				Phòng thí nghiệm	Ghi chú
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	% thực hành		
			17	17				
Các môn học bắt buộc: 12 TC			12	12				
1	PL01	Pháp luật đại cương	3	3				
2	IS03	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	2	1	33%	X	IS01 IS02
3	IS18	Mạng máy tính	3	3				IS01
4	MA01	Marketing căn bản	3	3				
Các môn học tự chọn : 5 TC			5	5				
2	TC10	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	3				Chọn 1
3	TK04	Thống kê ứng dụng	3	3				

4	KT02	Kinh tế lượng	3	3				trong 3
5	KN01	Kỹ năng làm việc nhóm	2	2				Chọn 1 trong 2
6	PP01	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2				
	NN03	Anh văn Level 3	4	4				
	GT01	Giáo dục thể chất	3	3				

7.3.4. HỌC KỶ IV (Năm 2) – 18 TC

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ				Phòng thí nghiệm	Ghi chú
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	%thí nghiệm		
			18	18				
Các môn học bắt buộc : 12 TC			12	12				
1	IS04	Nhập môn cơ sở dữ liệu	3	3			X	IS02
2	IS09	Hệ thống thông tin quản lý	3	3				IS01
3	LU01	Luật kinh tế	3	3				
4	IS 21	Thương mại điện tử	3	3				
Các môn học tự chọn : 6 TC			6	6				
1	TD01	Kinh doanh quốc tế	3	3				
2	TC01	Tài chính doanh nghiệp	3	3				
3	QT04	Quản trị nguồn nhân lực	3	3				
4	MA04	Nghiên cứu thị trường	3	3				
	NN04	Anh văn Level 4	4	4				
	GT02	Giáo dục thể chất	2	2				

7.3.5. HỌC KỲ V (Năm 3) – 18 TC

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ				Phòng thí nghiệm	Ghi chú
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	% thí nghiệm		
			18	18				
		Các môn học bắt buộc : 15 TC	15	15				
1	IS50	Thiết kế và Quản trị website TMDT	4	3	1	25%	IS02 IS18	
2	IS13	Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin quản lý	3	3			IS04 IS09	
3	IS52	Chiến lược Kinh doanh TMĐT	3	3				
4	IS56	Hệ quản trị quan hệ khách hàng (CRMS)	2	2				
5	ĐL01	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3				
		Các môn học tự chọn : 3 TC	3	3				
1	LD02	Luật kinh doanh quốc tế	3	3			Chọn 1 trong 3	
2	QT03	Quản trị chiến lược	3	3				
3	LU03	Chính phủ điện tử	3	3				
	NN05	Anh văn Level 5	4	4				

7.3.6. HỌC KỶ VI (Năm 3) – 16 TC

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ				Phòng thí nghiệm	Ghi chú
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN			
			16	16				
		Các môn học bắt buộc : 13 TC	13	13				
1	IS53	Quản trị dự án TMĐT	3	3				
2	IS19	Thanh toán điện tử	3	3				
3	IS28	Marketing điện tử	3	3			MA01 IS21	
4	IS54	Quản trị chuỗi cung ứng trong TMĐT	2	2				
5	TT01	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2				
		Các môn học tự chọn : 3 TC	3	3				
1	QT16	Quản trị bán hàng	3	3			Chọn 1 trong 4	
2	TC05	Kế toán quản trị	3	3				
3	IS15	Hệ hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3	3				
4	IS26	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở	3	3				
	NN06	Anh văn Level 6	4	4				

7.3.7. HỌC KỶ VII (Năm 4) – 19 TC

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ				Ghi chú
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN		
			19	19			
		Các môn học bắt buộc : 10 TC	10	10			
1	IS28	An toàn và bảo mật TMĐT	3	3			IS04 IS31
2	IS51	Thị trường Điện tử	2	2			
3	IS25	Đồ án ngành	3	3			
4	LU03	Pháp luật về TMĐT	2	2			
		Các môn học tự chọn : 3 TC	3	3			
1	IS57	Phân tích mạng xã hội	3	3			Chọn 1 trong3
2	QT09	Quản trị rủi ro	3	3			
3	IS14	Nhà kho và khai phá dữ liệu	3	3			
		Các môn học chuyên đề : 6 TC	6	6			
1	IS58	Chuyên đề tốt nghiệp 1 – Thương mại di động	2	2			Dành cho sinh viên không làm khóa luận
2	IS59	Chuyên đề tốt nghiệp 2 – Khởi nghiệp kinh doanh TMĐT	2	2			
3	IS60	Chuyên đề tốt nghiệp 3 – Quản trị tác nghiệp TMĐT	2	2			
4		Khóa luận tốt nghiệp	6	6			Dành cho sinh viên làm luận văn sẽ triển khai trong thời gian thực tập

7.3.8. HỌC KỶ VIII (Năm 4) – 4 TC

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ				Thí nghiệm	Ghi chú
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	% thí nghiệm		
1		Thực tập tốt nghiệp	4	4				

8. Kế hoạch thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học chuyên đề tốt nghiệp

8.1 Thực tập tốt nghiệp:

8.1.1. Chuẩn bị:

Đầu học kỳ VII, Khoa gặp gỡ sinh phổ biến về kế hoạch thực tập tốt nghiệp: Thời gian, yêu cầu doanh nghiệp thực tập, đề tài báo cáo, nội dung báo cáo,...; Định hướng cho sinh viên chọn đề tài báo cáo; Quy trình sinh viên liên hệ tìm doanh nghiệp thực tập (tự liên hệ và với sự hỗ trợ của Trung tâm hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp của Trường); Trả lời các câu hỏi của sinh viên;....

Khoa cung cấp giấy giới thiệu cho sinh viên và mọi hỗ trợ cần thiết để sinh viên liên hệ doanh nghiệp thực tập.

sau khi liên hệ được doanh nghiệp thực tập, sinh viên đăng ký sơ bộ đề tài báo cáo tốt nghiệp, với đề nghị giảng viên hướng dẫn nếu có thỏa thuận với giảng viên.

Khoa phân công giảng viên hướng dẫn cho từng sinh viên.

Cuối học kỳ VII, Sinh viên gặp gỡ giảng viên hướng dẫn, trao đổi cụ thể về kế hoạch thực tập tốt nghiệp và viết báo cáo thực tập.

8.1.2. Thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp và viết báo cáo:

Dành cho Sinh viên học chuyên đề:

Sinh viên thực tập tại doanh nghiệp và viết báo cáo thực tập tốt nghiệp từ tuần đầu học kỳ 8 trong thời gian 10 tuần:

Sinh viên viết đề cương chi tiết Báo cáo thực tập, nộp cho giảng viên hướng dẫn.

Giảng viên hướng dẫn góp ý, chỉnh sửa Đề cương chi tiết.

Sinh viên vừa thực tập vừa viết báo cáo thực tập.

Kết thúc thời gian thực tập (10 tuần), sinh viên nộp báo cáo thực tập cho Khoa, cùng với Nhận xét đánh giá của doanh nghiệp thực tập.

Đánh giá báo cáo thực tập: điểm của báo cáo bao gồm hai điểm thành phần (20% điểm đánh giá của doanh nghiệp và 80% điểm đánh giá của giảng viên).

Đối với sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp:

Sinh viên sẽ xin triển khai đề tài khóa luận của mình tại doanh nghiệp và theo sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn

Kết thúc thời gian thực tập (10 tuần), sinh viên nộp báo cáo và nhận xét đánh giá của doanh nghiệp thực tập.

Sinh viên hoàn thành đề tài để chuẩn bị báo cáo khóa luận

8.2 Làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học chuyên đề tốt nghiệp

Cuối học kỳ 6 Phòng đào tạo và Khoa sẽ xét để sinh viên đủ điều kiện được làm khóa luận tốt nghiệp hay học chuyên đề tốt nghiệp theo quy định của nhà trường.

8.2.1 Làm khóa luận tốt nghiệp:

Khoa phân công giảng viên hướng dẫn làm khóa luận tốt nghiệp đối với sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận.

Sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên trong thời gian từ khi sinh viên học chuyên đề đến khi kết thúc thực tập.

Sinh viên viết đề cương chi tiết về khóa luận, nộp cho giảng viên hướng dẫn.

Giảng viên hướng dẫn góp ý, chỉnh sửa Đề cương chi tiết.

Bộ môn góp ý về đề cương chi tiết của sinh viên.

Sinh viên vừa thực tập tại doanh nghiệp (hoặc với giáo viên hướng dẫn) vừa triển khai để hoàn thành khóa luận .

Giảng viên hướng dẫn viết nhận xét với điểm đánh giá.

Khóa luận được phản biện và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp trước hội đồng

8.2.2 Học chuyên đề tốt nghiệp:

Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp sẽ học 6 tín chỉ cho các chuyên đề tốt nghiệp trong thời gian cuối học kỳ 7.

Sinh viên ôn tập 1 tuần, sau đó thi hết môn Chuyên đề tốt nghiệp.

Thỏa thuận của các đơn vị, cơ sở bên ngoài về việc nhận sinh viên thực tập:

Trường Trường đại học Kinh tế-Luật có ký thỏa thuận hợp tác với nhiều doanh nghiệp, đơn vị trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là những đơn vị hoạt động trong lĩnh vực thương mại điện tử, bao gồm những doanh nghiệp tiếp nhận sinh viên thực tập. Các doanh nghiệp, đơn vị mà Trường đại học Kinh tế-Luật đã ký thỏa thuận hợp tác là: Công ty Cổ phần VNG, Công ty CP Thế giới di động, Công ty Golden Digital, Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank), Công ty CP Global Cybersoft, Công ty DCA Creative, Công ty TNHH Web7mau, Công ty CP Smartlink, Công ty Giải Pháp Điện tử E-Solution, CT TNHH Phần mềm E Việt (Viet Software),...

**KHOA HỆ THỐNG THÔNG TIN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT**